TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 66/2021/DS-PT Ngày 06 – 05 – 2021 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuấn.

- Các Thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyến, ông Trần Anh Tuấn.

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 23/2021/TLPT-DS, ngày 10/3/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DSST, ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CK bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐ-PT, ngày 30/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Mạnh A, sinh năm 1984; trú tại: Buôn K, xã E, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Ông Lê Thành N, sinh năm 1987; trú tại: YB, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1962; trú tại: Buôn K, xã E, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Lê Thị Quỳnh M, sinh năm 1996; trú tại: Đường HG, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ông Vũ Mạnh A (nguyên đơn) và bà Lê Thị T (bị đơn) có quan hệ vay mượn, cụ thể: Ngày 05/12/2018 nguyên đơn có cho bị đơn vay 270.000.000 đồng mục đích đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay 5 ngày. Đến hạn bị đơn không trả do chưa đáo nợ được Ngân hàng. Ngày 19/3/2020, bị đơn đến nhà năn nỉ nguyên đơn vay thêm 30.000.000 đồng để gửi ra nước ngoài và hẹn sau khi bán đất sẽ trả hết và được nguyên đơn đồng ý, đồng thời bị đơn nhờ nguyên đơn gửi 29.000.000 đồng vào tài khoản, cụ thể tài khoản là của ai nguyên đơn không biết, còn dư 1.000.000 đồng nguyên đơn đã đưa lại cho bị đơn. Đối với hai khoản vay này các bên đều không thỏa thuận lãi. Khi vay không giao tài sản làm tin, ngoài hai khoản vay này các bên còn nhiều khoản vay khác nhưng khi cho vay các bên không lập giấy tờ nên hiện nay nguyên đơn không có chứng cứ khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung này.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 300.000.000 đồng tiền gốc không yêu cầu lãi suất trong quá trình vay mà chỉ yêu cầu lãi suất từ sau ngày xét xử đến khi thi hành án xong. Khoản nợ này một mình bị đơn thực hiện không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình, nên nguyên đơn chỉ khởi kiện bị đơn.

Đối với ý kiến của bị đơn về việc nguyên đơn có vay ké vào số tiền bị đơn vay Ngân hàng 50.000.000 đồng là không chính xác. Nguyên đơn xác định năm 2017 nguyên đơn có vay của bị đơn 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2.000đ/1 triệu/ngày, nhưng khoảng 6-7 tháng sau bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả để mua đất nên nguyên đơn đã trả đầy đủ gốc và lãi. Đối với khoản vay này khi vay nguyên đơn và bị đơn có viết giấy tờ giao nhận, hiện nay khoản nợ trên đã trả xong nên nguyên đơn không còn lưu giữ nữa.

Việc bị đơn cho rằng nguyên đơn đi vay tiền của người khác 270.000.000 đồng về đưa cho bị đơn đáo nợ Ngân hàng là đúng, nhưng sau đó bị đơn nói hồ sơ trục trặc nên chưa trả được, sau đó ít lâu nguyên đơn tiếp tục hỏi nợ thì bị đơn nói số tiền vay Ngân hàng đã cho con gái đi nước ngoài, sau này con gái bị đơn gửi tiền về hoặc bị đơn sẽ bán đất trả cả gốc và lãi, nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả lãi cho nguyên đơn (nói bằng miệng không có người làm chứng).

Đối với nội dung trong đĩa CD bị đơn cung cấp đúng là giọng nói của nguyên đơn, thời gian cuộc trò chuyện lúc nào nguyên đơn không nhớ, nhưng cuộc đối thoại này chỉ đề cập đến số nợ 30.000.000 đồng tiền gốc, và 6.000.000 đồng tiền lãi ngoài ra không đề cập đến khoản tiền 270.000.000 đồng vì bị đơn hứa số tiền này để con

gái bà trả, còn số tiền 30.000.000 đồng anh Nguyễn Văn B (con trai bị đơn sẽ trả). Đối với các khoản vay từ trước đến nay nguyên đơn chưa nhận khoản lãi nào. Vì vậy, đối với chứng cứ là đoạn ghi âm bị đơn cung cấp không chứng minh được việc bị đơn đã trả 270.000.000 đồng, nên đề nghị Tòa án không chấp nhận ý kiến của bị đơn mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và biên bản đối chất bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:**

1. Đối với số tiền 270.000.000 đồng: Cuối năm 2017 bị đơn có nguyện vọng vay Ngân hàng S Đắk Lắk – Phòng giao dịch CK số tiền 220.000.000 đồng, khi đó nguyên đơn và bị đơn có quan hệ thân thiết nên nguyên đơn nói cho vay ké thêm 50.000.000 đồng thì bị đơn đồng ý.

Ngày 02/11/2017 Ngân hàng giải ngân cho bị đơn vay 270.000.000 đồng thì nguyên đơn đến nhận tiền 50.000.000 đồng và viết giấy nhận nợ giao cho bị đơn giữ, lãi suất trả theo hợp đồng của Ngân hàng đối với số nợ tương ứng của nguyên đơn, khi giao tiền không có người làm chứng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nguyên đơn vẫn đưa lãi theo quý cho bị đơn, đến hạn trả nợ Ngân hàng bị đơn không có tiền trả nợ nên ngày 05/12/2018 nguyên đơn đã đưa cho bị đơn 270.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng và yêu cầu bị đơn ký giấy vay tiền, nội dung là do nguyên đơn viết (có 02 liên mỗi người giữ một liên).

Do tin tưởng nên bị đơn viết nợ toàn bộ số tiền nhận 270.000.000 đồng không nghĩ tới việc trong 270.000.000 đồng đó có số nợ của nguyên đơn là 50.000.000 đồng (nội dung này không có người làm chứng), sau khi đáo nợ vay lại Ngân hàng xong thì bị đơn đưa lại toàn bộ số tiền 270.000.000 đồng cho nguyên đơn để trả cho người ta đồng thời khi đó nguyên đơn nói bị đơn về xé giấy của bị đơn còn nguyên đơn xé giấy của nguyên đơn (không có người làm chứng). Do tin tưởng nên bị đơn làm theo mà không hỏi lại nguyên đơn đã xé bỏ giấy nợ hay chưa.

Ngày 06/9/2019, bị đơn và nguyên đơn thống nhất trả hết nợ cho Ngân hàng theo phần nợ của từng người. Khi đó nguyên đơn đưa cho bị đơn 50.000.000 đồng gốc và hơn 1.000.000 đồng tiền lãi.

Đối với số tiền này bị đơn xác định không ai nợ ai, nguyên đơn căn cứ vào giấy nhận tiền đáo nợ Ngân hàng đề ngày 05/12/2018 để khởi kiện là không đúng, bị đơn không chấp nhận.

2. Đối với số tiền 30.000.000 đồng vay ngày 19/3/2020, bị đơn thừa nhận chưa trả số tiền này cho nguyên đơn. Cụ thể: Do bị lừa nên ngày 16/3/2020 bị đơn đã vay của nguyên đơn 30.000.000 và nhờ nguyên đơn chuyển vào số tài khoản của Facebook tên Trương Thị D số tiền 29.000.000 đồng. Sau khi chuyển xong nguyên đơn đưa lại cho bị đơn 1.000.000 đồng. Khi vay lãi suất thỏa thuận bằng miệng 3.000.000đ/30.000.000đ/10ngày. Đến ngày 19/3/2020, nguyên đơn nói đã chuyển xong hết nên yêu cầu bị đơn ký giấy vay tiền đề ngày 19/3/2020. Quá trình trên bị đơn đã trả lãi đến ngày 08/6/2020 nguyên đơn yêu cầu trả thêm 1.500.000 đồng (lý do vay lâu nên phạt chứ không phải quá hạn không trả lãi), do bị đơn không đồng ý nên đã gọi cho con trai là Nguyễn Văn B để kể nội dung trên thì B không đồng ý nên đã mang tiền về trả cho nguyên đơn 30.000.000 đồng nhưng nguyên đơn yêu cầu trả 30.000.000 đồng tiền gốc và lãi phạt 6.000.000 đồng thì bị đơn không đồng ý nên nguyên đơn có hù dọa nếu bị đơn không trả thì nguyên đơn sẽ dùng tờ giấy vay nợ 270.000.000 đồng chưa xé trước kia để khởi kiện bị đơn (nội dung này chỉ nói miệng không có chứng cứ).

Số tiền 30.000.000 đồng bị đơn đã trả lãi là 22.200.000 đồng (tương ứng với 74 ngày); khi trả không viết giấy giao nhận, không có người làm chứng. Đối với số tiền lãi đã trả không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn xác định đoạn ghi âm là do bị đơn ghi bằng điện thoại và sao chép ra đĩa cung cấp cho Tòa án là giọng nói của nguyên đơn, bị đơn và ông B.

*** Người làm chứng ông Hoàng Văn P trình bày:** Ông là hàng xóm của bị đơn, ông là người chở bị đơn đến Ngân hàng nhận tiền vay sau đó về nhà nguyên đơn để trả tiền, lúc bị đơn vào trả tiền ông đứng ngoài cửa chứng kiến nhưng cụ thể trả bao nhiêu tiền và có nói gì không thì ông không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST, ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CK đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 228, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Mạnh A.

Buộc bị đơn bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Vũ Mạnh A tổng cộng số tiền gốc là: 300.000.000 đồng *(ba trăm triệu đồng chẵn)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của BLDS 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị T và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngày 01/02/2021 bà Lê Thị T nhận được bản án sơ thẩm. Ngày 05/02/2021, bị đơn bà Lê Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST, ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T trong hạn luật định; có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn ông Vũ Mạnh A và bị đơn bà Lê Thị T đều thừa nhận ngày 05/12/2018, bà T có vay của ông A số tiền 270.000.000 đồng để đáo hạn khoản vay tại Quỹ tín dụng S. Khi vay các bên có viết giấy vay tiền đề ngày 05/12/2018. Bị đơn bà T cho rằng khoản vay này bà đã trả hết cho ông A nhưng vì chỗ quen biết, tin tưởng nên bà không yêu cầu ông A hủy bỏ giấy vay tiền ngày 05/12/2018.

Ngày 19/3/2020, bà T tiếp tục vay của ông A số tiền 30.000.000 đồng để chuyển cho tài khoản của facebook tên Trương Thị D. Khi vay các bên có viết giấy vay tiền đề ngày 19/3/2020. Đối với khoản vay này bà T thừa nhận chưa trả được cho ông A.

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T thấy rằng:

- Đối với khoản vay 270.000.000 đồng ngày 05/12/2018: Bị đơn bà Lê Thị T thừa nhận ngày 05/12/2018 có vay của nguyên đơn ông Vũ Mạnh A số tiền 270.000.000 đồng để đáo hạn khoản vay tại Quỹ tín dụng S. Khi vay các bên có viết "Giấy vay tiền" đề ngày 05/12/2018, chữ ký Lê Thị T ở phần người vay là do bà T viết và ký nhận. Bà T cho rằng sau khi đáo hạn ngân hàng xong thì bà T đã trả số tiền 270.000.000 đồng cho ông A nhưng sau khi trả xong do tin tưởng nên bà T không thu hồi hay hủy bỏ giấy vay tiền mà ông A đang giữ. Tuy nhiên, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình. Ông A cũng không thừa nhận việc bà T đã trả số tiền 270.000.000 đồng. Bà T cho rằng khi trả số tiền 270.000.000 đồng cho ông A có ông Hoàng Văn P đi cùng và chứng kiến. Tuy nhiên, ông P xác định chỉ chở bà T đến ngân hàng nhận tiền vay, sau đó về nhà ông A để trả tiền, còn cụ thể là trả cho khoản vay nào, trả bao nhiêu tiền và giữa ông A, bà T có nói gì không thì ông không biết. Đối với nội dung đoạn ghi âm và được dịch thành văn bản (do bị đơn cung cấp cho Tòa án) và được các bên đương sự thừa nhận là giọng nói của mình. Trong toàn bộ nội dung ghi âm các bên chỉ trao đổi về khoản vay 30.000.000 đồng ngày 19/3/2020 và tiền lãi của khoản vay này. Không bàn bạc, trao đổi về khoản vay 270.000.000 đồng ngày 05/12/2018. Do đó, không có căn cứ để xác định bà T đã trả khoản vay 270.000.000 ngày 05/12/2018 đồng cho ông A.

- Đối với khoản vay 30.000.000 đồng ngày 19/3/2020: Bị đơn bà Lê Thị T thừa nhận ngày 16/3/2020 có vay của nguyên đơn ông Vũ Mạnh A số tiền 30.000.000 đồng để chuyển cho tài khoản ngân hàng của facebook có tên Trương Thị D. Khi vay các bên có viết giấy vay tiền đề ngày 19/3/2020. Khoản nợ này bà T thừa nhận chưa trả cho ông A.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST, ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0017527, ngày 19/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST, ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Mạnh A.

Buộc bị đơn bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Vũ Mạnh A tổng cộng số tiền gốc là: 300.000.000đồng *(ba trăm triệu đồng chẵn).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của BLDS 2015.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn ông Vũ Mạnh A số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CK theo biên lai thu tiền số AA/2019/0010966, ngày 13/8/2020.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăn ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0017527, ngày 19/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CK, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Duy Thuấn

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện CK;
- Chi cục THADS H.CK;
- Đăng Cổng TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.